TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2023/DS-ST
Ngày: 11-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Quang Đáng
2. Ông Đào Hoàng Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa*:** Bà Võ Thị Tuyết Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST-DS ngày 27/6/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 44/2023/QĐST-DS ngày 18/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (VP Bank); trụ sở chính: 89 L, phường H, quận Đ, tp. Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng Ph; địa chỉ: số 04 đường P, phường Th, tp. G, tỉnh Kiên Giang (đại diện theo văn bản ủy quyền số 731/2022/UQ-VPB ngày 06 tháng 12 năm 2022 - ông Ph có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1979 và bà Lưu Kim T, sinh năm 1986 (đều vắng mặt); cùng địa chỉ: Tổ 33, Khu Đ2, thị trấn V, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2022, bản tự khai và trong quá trình xét

xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn do ông Nguyễn Hoàng Ph trình bày:

Vợ chồng ông Đ, bà T ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V chi nhánh Kiên Giang. Theo hợp đồng tín dụng số LN1708020138226/KGG/HĐTD ngày 23/8/2017 số tiền 120.000.000đ, mục đích vay thanh toán tiền mua xe ô tô tải, thời hạn vay là 48 tháng tính từ 24/8/2017 đến ngày 24/8/2021, lãi suất cho vay 11,4%/năm, cố định trong 12 tháng đầu, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Bên vay phải trả nợ gốc cho ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 01/10/2017, kỳ trả gốc đầu tiền 01/10/2017, tổng cộng gồm 48 kỳ, số nợ gốc phải trả mỗi kỳ là 2.500.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả dứt nợ vay. Tính ngày 06/12/2022 vợ chồng ông Đ, bà T đã trả nợ gốc số tiền 109.077.977 đồng, trả tiền lãi là 31.696.596 đồng, tổng cộng gốc lãi là 140.744.573 đồng, kể từ đó đến nay không thanh toán nợ gốc, tiền lãi cho ngân hàng nên đã vi phạm hợp đồng về thời hạn trả nợ, do đó số tiền nợ gốc còn thiếu đã chuyển sang nợ quá hạn. Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn nợ số tiền là 16.435.324 đồng (trong đó nợ gốc là 10.922.023 đồng, tiền lãi là 5.513.301 đồng). Nay yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà T trả số tiền là 16.435.324 đồng, đồng thời trong thời gian chưa thanh toán nợ phải chịu lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho đến khi tất toán khoản vay.

Về tài sản đảm bảo cho khoản vay là Quyền sở hữu/sử dụng 01 xe ô tô, nhãn hiệu: CHANGAN, số loại SC 1022DB4N, biển số 68C-075.70; số máy JL466Q4G64F000152; số khung: RPMMN2F4CHN000136. Theo giấy hẹn nhận kết quả đăng ký xe do Phòng CSGT Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 23/8/2017. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1708020138226/KGG/HĐTCSP ký ngày 23/8/2017 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V với ông Lê Văn Đ và Lưu Kim T đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng theo quy định pháp luật.

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp ông Đ, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì VPBank có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự có thẩm quyền áp dụng biện pháp kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô, nhãn hiệu: CHANGAN, số loại SC 1022DB4N, biển số 68C-075.70; số máy JL466Q4G64F000152; số khung: RPMMN2F4CHN000136. Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013813 do

Phòng CSGT Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 23/8/2017 để xử lý thu hồi nợ.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn do ông Phúc xác định khi thực hiện việc thế chấp thì xe vẫn do ông Đ, bà T quản lý, sử dụng, thời điểm đó chỉ có giấy hẹn nhận kết quả đăng ký xe do Phòng CSGT tỉnh Kiên Giang cấp ngày 23/8/2017. Nay ông rút toàn bộ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của vợ chồng ông Đ, bà T về xe ô tô, biển số 68C-075.70, nhãn hiệu: CHANGAN; số loại SC 1022DB4N, số máy JL466Q4G64F000152; số khung: RPMMN2F4CHN000136.

Bị đơn vợ chồng ông Lê Văn Đ, bà Lưu Kim T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Lê Văn Đ, bà Lưu Kim T. Buộc ông Đ, bà T trả số tiền gốc, lãi còn thiếu là 16.435.324 đồng (trong đó nợ gốc là 10.922.023 đồng, tiền lãi là 5.513.301 đồng), ngoài ra bị đơn còn phải chịu tiền lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã thỏa thuận cho đến khi trả xong hết nợ gốc. Đối với tài sản thế chấp cho khoản vay trên là chiếc xe ô tô, biển số 68C-075.70, nhãn hiệu: CHANGAN; số loại SC 1022DB4N, số máy JL466Q4G64F000152, số khung: RPMMN2F4CHN000136 do ngân hàng rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt Thông báo cho bị đơn ông Đ, bà T biết để có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V, nhưng bị đơn không có ý kiến và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Toà án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Đ, bà T không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

và hoà giải cũng như triệu tập tham gia phiên toà sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của ông Đ, bà T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đ, bà T.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi còn thiếu là 16.435.324 đồng (trong đó nợ gốc là 10.922.023 đồng, tiền lãi là 5.513.301 đồng) theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, mục đích vay là thanh toán tiền mua xe ô tô tải. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] *Về thẩm quyền:* Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 mà bị đơn vợ chồng ông Đ, bà T có nơi cư trú trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] *Về nội dung:* Ngày 23/8/2017 Vợ chồng ông Đ, bà T ký hợp đồng tín dụng số LN1708020138226/KGG/HĐTD với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V chi nhánh Kiên Giang để vay số tiền là 120.000.000đ, mục đích vay thanh toán tiền mua xe ô tô tải, thời hạn vay là 48 tháng tính từ 24/8/2017 đến ngày 24/8/2021, lãi suất cho vay 11,4%/năm, cố định trong 12 tháng đầu, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Bên vay phải trả nợ gốc cho ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 01/10/2017, kỳ trả gốc đầu tiền 01/10/2017, tổng cộng gồm 48 kỳ, số nợ gốc phải trả mỗi kỳ là 2.500.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả dứt nợ vay. Tính ngày 06/12/2022 vợ chồng ông Đ, bà T đã trả nợ gốc số tiền 109.077.977 đồng, trả tiền lãi là 31.696.596 đồng, tổng cộng gốc lãi là 140.744.573 đồng, kể từ đó đến nay không thanh toán nợ gốc, lãi cho ngân hàng nên đã vi phạm hợp đồng về thời hạn trả nợ, do đó số tiền nợ gốc còn thiếu đã chuyển sang nợ quá hạn. Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn nợ số tiền là 16.435.324 đồng (trong đó nợ gốc là 10.922.023 đồng, tiền lãi là 5.513.301 đồng). Nay yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà T trả số tiền là 16.435.324 đồng, đồng thời trong thời gian chưa thanh toán nợ phải chịu lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho đến khi tất toán khoản vay.

Sau khi thụ lý, Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn ông Đ, bà T nhưng bị đơn không có ý kiến và tại phiên toà bị đơn ông Đ, bà T vắng

mặt không có lời trình bày nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét ý kiến của bị đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên toà cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn cung cấp. Qua xem xét tài liệu chứng cứ là hợp đồng vay và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp phía bị đơn ông Đ, bà T có thanh toán nợ gốc, nợ lãi từ ngày 23/8/2017 đến ngày 06/12/2022 vợ chồng ông Đ, bà T đã trả nợ gốc số tiền 109.077.977 đồng, trả tiền lãi là 31.696.596 đồng, tổng cộng gốc lãi là 140.744.573 đồng. Do đó, tính đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn ông Đ, bà T còn nợ số tiền là 16.435.324 đồng (trong đó nợ gốc là 10.922.023 đồng, tiền lãi là 5.513.301 đồng) là hoàn toàn có thật vì đây là nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận và yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V buộc ông Đ, bà T trả số nợ còn thiếu gốc lãi là 16.435.324 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Đ, bà Thuy còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng các bên thoả thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

[5] Tại phiên tòa nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu đối với tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô, nhãn hiệu: CHANGAN; số máy JL466Q4G64F000152; số khung: RPMMN2F4CHN000136, biển số 68C-075.70. Việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ quy định tại Điều 5 *(quy định về quyền quyết định và định đoạt của đương sự)* và Điều 244 *(quy định về xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu)* của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thống nhất đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

Trường hợp vợ chồng ông Đ, bà T trả xong toàn bộ nợ gốc, lãi cho ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V thì ngân hàng trả lại các giấy tờ nhận thế chấp cho vợ chồng ông Đ, bà T.

[6] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông Đ, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.435.324 đồng x 5% = 821.766 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Buộc bị đơn ông Lê Văn Đ, bà Lưu Kim T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi là 16.435.324 đồng (trong đó nợ gốc là 10.922.023 đồng, tiền lãi là 5.513.301 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Đ, bà Thuy còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng các bên thoả thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay

Trường hợp vợ chồng ông Đ, bà T trả xong toàn bộ nợ gốc, lãi cho ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V thì ngân hàng trả lại các giấy tờ nhận thế chấp cho vợ chồng ông Đ, bà T.

2- Đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn đối với tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô, nhãn hiệu: CHANGAN; số loại SC 1022DB4N, số máy JL466Q4G64F000152; số khung: RPMMN2F4CHN000136, biển số 68C-075.70 do nguyên đơn rút yêu cầu, không yêu cầu Toà án giải quyết.

3- Án phí sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông Đ, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 821.766 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 369.689 đồng theo biên lai thu số 0002662 ngày 26/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự".

4- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự (ông Đ, bà T) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng